

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

THỐNG KÊ CB, GV - HỌC SINH VÀ KẾT QUẢ THI HSG CÁC CẤP, TỐT NGHIỆP, ĐẠI HỌC

STT	NĂM HỌC	HỌC SINH		KẾT QUẢ HSG CÁC CẤP				Tổng cộng HSG	HS khối 12 ra trường	Tỷ lệ đậu TN	TB đậu Đại học	CB.GV	Thạc sĩ	Đảng viên	Nữ	Ghi chú
		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM	Cấp tỉnh	Olympic và ĐBBB	Quốc gia	Quốc tế và khu vực									
1	2000 - 2001	262	252	57	19	13		89	0	0	0	15	4	8	4	1 QL, 02 NV
2	2001 -2002	379	376	119	31	25		175	112	100%	96.42%	19	6	9	6	2 QL.03 NV
3	2002 -2003	484	483	103	34	35		172	129	100%	71.26%	24	8	10	7	2 QL.04 NV
4	2003 -2004	619	618	140	32	29		201	129	100%	82.17%	33	9	13	12	2 QL.04 NV
5	2004 - 2005	690	690	155	34	40		229	217	100%	90.02%	36	10	14	13	2 QL.04 NV
6	2005 -2006	661	657	176	34	42		252	254	100%	92.40%	41	10	16	13	2 QL.04NV
7	2006 -2007	633	630	122	36	23		181	206	100%	94.07%	42	10	17	13	2 QL.06 NV
8	2007-2008	719	719	148	44	23		215	195	100%	98.45%	41	11	16	12	2 QL.07 NV
9	2008 -2009	824	823	192	39	32		263	221	100%	97.70%	47	17	17	16	2 QL.07 NV
10	2009 -2010	749	747	207	33	30		270	287	100%	97.50%	47	17	19	18	2 QL.07 NV
11	2010-2011	712	710	217	35	27	1 HCB Hoá học QT	280	300	100%	98.00%	53	20	21	23	2 QL.07 NV
12	2011-2012	662	661	202	37	25		264	154	100%	100.00%	58	20	21	26	2 QL.07 NV
13	2012-2013	831	831	200	40	28		268	254	100%	100.00%	60	21	21	28	2 QL.07 NV
14	2013-2014	894	892	208	42	25		275	248	100%	92.00%	67	30	25	31	2 QL.06 NV
15	2014-2015	924	923	236	43	20		299	319	100%	96.00%	66	30	28	32	3 QL.06 NV
16	2015-2016	880	878	233	43	16	1 HCB Toán QT	293	322	100%	98.05%	70	35	27	35	3 QL.06 NV
17	2016-2017	870	868	227	46	24		297	272	100%	98.00%	67	36	31	32	3 QL.05 NV
18	2017-2018	868	860	217	43	16		276	273	99%	98.00%	65	36	31	33	3QL.05 NV
19	2018-2019	865	860	224	50	26		300	313	100%	97.00%	65	36	30	33	3QL.06 NV
20	2019-2020	878	874	212	Covid 19	22		234	271	100%	98.00%	64	41	32	32	3QL.07 NV
21	2020-2021	885	883	187	Covid 19	19		206	270	99%	95.00%	63	41	31	31	3QL.07 NV
22	2021-2022	901	898	206	25	21		252	327	100%	98.00%	67	45	33	34	3QL.07 NV
23	2022-2023	900	899	197	21	23		118	280	100%	100.00%	66	48	38	34	3QL.07 NV
24	2023-2024	905	902	221	45	31		252	288	100%	100.00%	64	49	39	33	3QL.07 NV
25	2024-2025	912	906	238	81	29	1 HCV Tin học (QT), 1 HCB Tin học (Châu Á TBD)	350	322	100%	100.00%	67	57	39	35	3QL.07 NV
26	2025-2026	924	920	232	84	37	1 HCB Vật lí (Châu Âu)	354	284			76	51	41	42	3QL.08 NV
	Cộng	19831	19760	4876	971	681	4	4023	6247							

Người tổng hợp

HIỆU TRƯỞNG